



BẢN TIN PHÁP LÝ

SỐ 01 NĂM 2025



Quảng Ngãi, tháng 01 năm 2025



Mục lục	Trang
I. Văn bản mới ban hành/có hiệu lực	3
II. Điểm tin một số văn bản có tác động trực tiếp đến BSR	8
Luật số 36/2024/QH15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ	8
Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15 về Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn	14
Nghị định 153/2024/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	15
Nghị định 180/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15	16
Nghị định 175/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng	18
Thông tư 22/2024/TT-BKHĐT hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	23
Quyết định 2838/QĐ-BTC năm 2024 về Danh sách doanh nghiệp lớn phân công Cục thuế doanh nghiệp lớn trực tiếp quản lý Thuế	26
III. Đánh giá tác động của các văn bản được điểm tin tại Mục II	27



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH/CÓ HIỆU LỰC

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
I	Luật			
1	Luật số 58/2024/QH15 Luật Đầu tư công	29/11/2024	01/01/2025	
2	Luật số 56/2024/QH15 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính	29/11/2024	01/01/2025	
3	Luật số 37/2024/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản	27/06/2024	01/01/2025	
4	Luật số 36/2024/QH15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ	27/06/2024	01/01/2025	
5	Luật số 35/2024/QH15 Luật Đường bộ	27/06/2024	01/01/2025	
6	Luật số 57/2024/QH15 Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu	29/11/2024	15/01/2025	
II	Nghị quyết			
1	Nghị quyết 174/2024/QH15 về Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV	30/11/2024	14/01/2025	
2	Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15 về Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn	24/12/2024	01/01/2025	
III	Nghị định			
1	Nghị định 151/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ	15/11/2024	01/01/2025	
2	Nghị định 142/2024/NĐ-CP quy định về quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật	30/10/2024	01/01/2025	
3	Nghị định 143/2024/NĐ-CP quy định về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động	01/11/2024	01/01/2025	



4	Nghị định 152/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 62/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi tại Nghị định 33/2020/NĐ-CP	15/11/2024	01/01/2025	
5	Nghị định 158/2024/NĐ-CP quy định về hoạt động vận tải đường bộ	18/12/2024	01/01/2025	
6	Nghị định 153/2024/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	21/11/2024	05/01/2025	
7	Nghị định 154/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Cư trú	26/11/2024	10/01/2025	
8	Nghị định 168/2024/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm Giấy phép lái xe	26/12/2024	01/01/2025	
9	Nghị định 180/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15	31/12/2024	01/01/2025	
10	Nghị định 175/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng	30/12/2024	30/12/2024	
11	Nghị định 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	06/01/2025	06/01/2025	
IV	Thông tư			
1	Thông tư 37/2024/TT-BYT quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế	16/11/2024	01/01/2025	
2	Thông tư 36/2024/TT-BYT quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe	16/11/2024	01/01/2025	



	của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng			
3	Thông tư 59/2024/TT-BCA sửa đổi Thông tư 74/2020/TT-BCA quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu	07/11/2024	01/01/2025	
4	Thông tư 23/2024/TT-BCT quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	07/11/2024	01/01/2025	
5	Thông tư 71/2024/TT-BCA quy định quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe	12/11/2024	01/01/2025	
6	Thông tư 35/2024/TT-BGTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ	15/11/2024	01/01/2025	
7	Thông tư 79/2024/TT-BCA quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	15/11/2024	01/01/2025	
8	Thông tư 15/2023/TT-NHNN quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	05/12/2023	01/01/2025	
9	Thông tư 22/2024/TT-BYT quy định về thanh toán chi phí thuốc, thiết bị y tế trực tiếp cho người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh	18/10/2024	01/01/2025	
10	Thông tư 47/2024/TT-BGTVT quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	15/11/2024	01/01/2025	



11	Thông tư 55/2024/TT-BGTVT quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp	15/11/2024	01/01/2025	
12	Thông tư 53/2024/TT-BGTVT quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường	15/11/2024	01/01/2025	
13	Thông tư 38/2024/TT-BGTVT về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	15/11/2024	01/01/2025	
14	Thông tư 22/2024/TT-BKHĐT hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	17/11/2024	01/01/2025	
15	Thông tư 65/2024/TT-BCA quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe	12/11/2024	01/01/2025	
16	Thông tư 20/2024/TT-BTNMT bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, liên tịch ban hành	16/11/2024	01/01/2025	
17	Thông tư 23/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước	26/11/2024	01/01/2025	
19	Thông tư 83/2024/TT-BTC hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	26/11/2024	01/01/2025	
19	Thông tư 22/2024/TT-BCT về Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chai LPG composite	07/11/2024	15/01/2025	



20	Thông tư 31/2024/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 12/2024/TT-BGTVT quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam	30/10/2024	15/01/2025	
21	Thông tư 90/2024/TT-BCA quy định kiểm tra nhà nước và đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn trong sản xuất, nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an	22/11/2024	15/01/2025	
22	Thông tư 14/2024/TT-BXD về Quy trình đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng	30/12/2024	19/02/2025	
23	Thông tư 45/2024/TT-BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp	30/12/2024	01/07/2025	
24	Thông tư 61/2024/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng	31/12/2024	01/04/2025	
25	Thông tư 64/2024/TT-BGTVT quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	31/12/2024	01/07/2025	
V	Quyết định			
1	Quyết định 1754/QĐ-TLĐ năm 2024 về Quy định nguyên tắc xây dựng và giao dự toán tài chính công đoàn năm 2025	19/09/2024	01/01/2025	
2	Quyết định 9093/QĐ-BCA năm 2024 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an	13/12/2024	01/01/2025	
3	Quyết định 2838/QĐ-BTC năm 2024 về Danh sách doanh nghiệp lớn phân công Cục thuế doanh nghiệp lớn trực tiếp quản lý Thuế	27/11/2024	01/01/2025	
4	Quyết định 3235/QĐ-BYT năm 2024 công bố Danh mục thuốc, dược chất thuộc Danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực	01/11/2024	30/01/2025	



ĐIỂM TIN MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN BSR

LUẬT SỐ 36/2024/QH15 LUẬT TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

- Ngày ban hành: 27/06/2024
- Ngày có hiệu lực: 01/01/2025

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quy tắc, phương tiện, người tham gia giao thông đường bộ, chỉ huy, điều khiển, tuần tra, kiểm soát, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ, trách nhiệm quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Nguyên tắc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Bảo đảm giao thông đường bộ được trật tự, an toàn, thông suốt, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; phòng ngừa vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, tai nạn giao thông đường bộ và ùn tắc giao thông; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân và tài sản của cơ quan, tổ chức.
- Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Người tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan, có trách nhiệm giữ an toàn cho mình và cho người khác.
- Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.
- Hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải công khai, minh bạch và thuận lợi cho người dân.

- Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Chính sách của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

- Bảo đảm ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị hiện đại, các điều kiện bảo đảm và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của lực lượng trực tiếp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Huy động, sử dụng các nguồn lực để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Bố trí tương ứng từ các khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tiền đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông theo quy định của Chính phủ.
- Hiện đại hoá các trung tâm chỉ huy giao thông; bảo đảm kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ giữa các cơ quan nhà nước có liên quan.
- Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đầu tư, xây dựng, chuyển giao hệ thống, phương tiện, thiết bị giám sát phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phù hợp với quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.



- Bảo đảm công bằng, bình đẳng, an toàn đối với người tham gia giao thông đường bộ; tạo thuận lợi cho trẻ em, phụ nữ mang thai, người già yếu, người khuyết tật trong tham gia giao thông đường bộ; xây dựng văn hóa giao thông; giáo dục, phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho trẻ em, học sinh để hình thành, nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân và tự giác chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có thành tích thì được khen thưởng, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; người bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương, bị tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân, gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.
- Phát triển phương tiện giao thông đường bộ đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân; nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp phương tiện giao thông đường bộ bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ đối với phương tiện giao thông trên thế giới; ưu tiên phát triển phương tiện vận tải công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân tham gia giao thông tại các đô thị lớn; ưu tiên chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, thân thiện môi trường, hạ tầng cung cấp năng lượng sạch.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện thường xuyên, rộng rãi, phù hợp với các tầng lớp Nhân dân, người nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Cơ quan quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện

tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng đối tượng.
- Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.
- Thành viên trong gia đình có trách nhiệm tuyên truyền, nhắc nhở thành viên khác chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, sử dụng dây đai an toàn, ghế dành cho trẻ em hoặc có người lớn ngồi cùng trẻ em phía sau khi chở trẻ em dưới 06 tuổi bằng xe gắn máy, xe mô tô.

5. Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

- Giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non (sau đây gọi là trẻ em mầm non), học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Lực lượng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn cho học sinh tại cơ sở giáo dục đó.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm



vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng cấp học, ngành học.

6. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Điều khiển xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật; điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.
- Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.
- Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.
- Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối hoặc không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn, yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- Đua xe, tổ chức đua xe, xúi giục, giúp sức, cổ vũ đua xe trái phép; điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ lạng lách, đánh võng, rú ga liên tục.
- Dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ.
- Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.
- Đua xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm quy định của pháp luật về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện khác không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để tham gia giao thông đường bộ.
- Nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm quy định của pháp luật về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
- Cải tạo xe ô tô loại khác thành xe ô tô chở người, trừ cải tạo thành xe ô tô chở người phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.
- Cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy của xe ô tô; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.
- Cố ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý, nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định; thuê, mượn phụ tùng xe cơ giới chỉ để thực hiện việc kiểm định.
- Chở hàng hóa vượt quá khối lượng toàn bộ, tải trọng trục, kích thước cho phép của xe hoặc vượt quá tải trọng, kích thước giới hạn cho phép của đường bộ khi chưa được cơ quan quản lý cấp phép hoặc không bảo đảm yêu cầu theo quy định của Luật này; chở hàng hóa trên xe có quy định phải chằng buộc nhưng không chằng buộc hoặc chằng buộc không đúng quy định của pháp luật; chở quá số người theo quy định của pháp luật.
- Vận chuyển hàng hóa cấm lưu hành, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, động vật hoang dã.
- Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; đe dọa, cưỡng ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người theo quy định của pháp luật.
- Lắp đặt, sử dụng thiết bị âm thanh, ánh sáng trên xe cơ giới, xe máy chuyên dùng gây mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- Sản xuất, sử dụng, mua, bán trái phép biển số xe; điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng gắn biển số xe không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gắn biển số xe không



đúng vị trí; bề cong, che lấp biển số xe; làm thay đổi chữ, số, màu sắc, hình dạng, kích thước của biển số xe.

- Làm gián đoạn hoạt động hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên xe theo quy định của Luật này.

- Hủy hoại, làm hư hỏng, làm mất tác dụng thiết bị điều khiển, giám sát giao thông đường bộ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ.

- Đặt, để chướng ngại vật, vật cản khác trái phép trên đường bộ; rải vật sắc nhọn, đổ chất gây trơn trượt trên đường bộ; làm rơi vãi đất đá, hàng hóa, vật liệu xây dựng, phế thải trên đường bộ; đổ, xả thải, làm rơi vãi hóa chất, chất thải gây mất an toàn giao thông đường bộ.

- Cản trở người, phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ; ném gạch, đất, đá, cát hoặc vật thể khác vào người, phương tiện đang tham gia giao thông trên đường bộ.

- Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, những nhiễu, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ hoặc can thiệp, tác động vào quá trình xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Sử dụng quyền của xe ưu tiên khi không thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên không đúng quy định của pháp luật.

- Không khai báo, khai báo gian dối hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không đúng sự thật để trốn tránh trách nhiệm khi bị phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Bỏ trốn sau khi gây tai nạn giao thông đường bộ để trốn tránh trách nhiệm; khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông đường bộ; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn, người gây tai

nạn giao thông đường bộ hoặc người giúp đỡ, cứu chữa, đưa người bị nạn đi cấp cứu; lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông đường bộ để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường bộ.

- Điều khiển vật thể bay, tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ hoạt động trong phạm vi không giới hạn đường bộ gây cản trở hoặc nguy cơ mất an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ được cấp phép bay.

- Hành vi khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại Chương II của Luật này.

7. Các quy định về quy tắc giao thông đường bộ: được quy định tại Chương II, từ Điều 10 đến Điều 33.

8. Các quy định về phương tiện tham gia giao thông đường bộ: được quy định tại Chương III, từ Điều 34 đến Điều 55.

9. Các quy định về người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ: được quy định tại Chương IV, từ Điều 56 đến Điều 64.

10. Các quy định về tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ: được quy định tại Chương V, từ Điều 65 đến Điều 73.

11. Các quy định về chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ: được quy định tại Chương VI, từ Điều 74 đến Điều 79.

12. Các quy định về giải quyết tai nạn giao thông đường bộ: được quy định tại Chương VII, từ Điều 80 đến Điều 85.

13. Các quy định về quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ: được quy định tại Chương VIII, từ Điều 86 đến Điều 87.

14. Quy định chuyển tiếp

- Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe.



- Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại theo quy định của Luật này có hiệu lực sử dụng như sau:

- Giấy phép lái xe hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện từ 04 kW đến dưới 14 kW;
- Giấy phép lái xe hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14 kW trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này;
- Giấy phép lái xe hạng A3 được tiếp tục điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này và các xe tương tự;
- Giấy phép lái xe hạng A4 được tiếp tục điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;
- Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người không hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô số tự động chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng số tự động có trọng tải dưới 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng C được tiếp tục điều khiển xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2 quy định tại các điểm đ, e và g khoản này;
- Giấy phép lái xe hạng D được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người từ 09 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ

của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C quy định tại các điểm đ, e, g và h khoản này;

- Giấy phép lái xe hạng E được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D quy định tại các điểm đ, e, g, h và i khoản này;
- Giấy phép lái xe hạng FB2, FD được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, D quy định tại điểm g và điểm i khoản này khi kéo rơ moóc; giấy phép lái xe hạng FC được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm h khoản này khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; giấy phép lái xe hạng FE được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng E quy định tại điểm k khoản này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nối toa.

- Trường hợp người có giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có nhu cầu đổi, cấp lại giấy phép lái xe thì thực hiện như sau:

- Giấy phép lái xe hạng A1 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế là chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;
- Giấy phép lái xe hạng A2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A;
- Giấy phép lái xe hạng A3 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B1;
- Giấy phép lái xe hạng A4 được đổi, cấp lại sang chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;
- Giấy phép lái xe hạng B1 số tự động được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B với điều kiện hạn chế là chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động;



- Giấy phép lái xe hạng B1, B2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B hoặc hạng C1 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng D được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng E được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FB2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng BE hoặc hạng C1E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FC được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng CE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FD được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;
- Giấy phép lái xe hạng FE được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng DE và chứng chỉ

điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg.

- Người học lái xe đã được đào tạo lái xe trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành hoặc đang được đào tạo lái xe tại ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa được sát hạch, cấp giấy phép lái xe thì được sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo hạng giấy phép lái xe đổi, cấp lại quy định tại khoản 3 Điều này.
- Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe máy chuyên dùng cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng.
- Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trên giấy chứng nhận đó.
- Việc đấu giá biển số xe ô tô được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành đã được cấp văn bản xác nhận biển số xe ô tô trúng đấu giá thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 73/2022/QH15 của Quốc hội về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô; trường hợp chưa được cấp xác nhận biển số xe ô tô trúng đấu giá thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 73/2022/QH15 của Quốc hội về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô và quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 của Luật này.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại P:\06.Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Trat tu, an toan giao thong duong bo



NGHỊ QUYẾT 60/2024/UBTVQH15 VỀ MỨC THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XĂNG, DẦU, MỠ NHỜN

- Ngày ban hành: 24/12/2024
- Ngày có hiệu lực: 01/01/2025

1. Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 được quy định như sau:

Số TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (đồng/đơn vị hàng hóa)
1	Xăng, trừ etanol	lít	2.000
2	Nhiên liệu bay	lít	1.000
3	Dầu diesel	lít	1.000
4	Dầu hỏa	lít	600
5	Dầu mazut	lít	1.000
6	Dầu nhờn	lít	1.000
7	Mỡ nhờn	kg	1.000

2. Điều khoản thi hành:

- Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
- Không áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat thue\Luat thue bao ve moi truong\Van ban khac



NGHỊ ĐỊNH 153/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

- Ngày ban hành: 21/11/2024
- Ngày có hiệu lực: 05/01/2025

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí và người nộp phí; tổ chức thu phí; phương pháp tính phí, mức thu phí, kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.
- Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Điều 4 Nghị định này.
- Các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

3. Đối tượng chịu phí và người nộp phí

- Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định này là bụi, khí thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý của các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung cấp phép về xả khí thải (sau đây gọi chung là cơ sở xả khí thải).
- Cơ sở xả khí thải theo quy định tại Nghị định này bao gồm:
 - Cơ sở sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phế liệu nguyên liệu);
 - Cơ sở sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón vô cơ và hợp chất ni tơ (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), thuốc bảo vệ thực vật hóa học (trừ phối trộn, sang chiết);
 - Cơ sở lọc, hoá dầu;
 - Cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất

thải nguy hại; sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

- Cơ sở sản xuất than cốc, sản xuất khí than;
- Nhà máy nhiệt điện;
- Cơ sở sản xuất xi măng;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác có phát sinh bụi, khí thải công nghiệp không thuộc các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản này.

- Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định này là các cơ sở xả khí thải quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức thu phí

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải của các cơ sở xả khí thải trên địa bàn quản lý.
- Căn cứ tình hình thực tế quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải của các cơ sở xả khí thải trên địa bàn quản lý.

5. Phương pháp tính phí: Được quy định cụ thể, chi tiết tại Điều 5 Nghị định này.

6. Mức thu phí

- Đối với cơ sở xả khí thải không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải

Mức thu phí cố định (f): 3.000.000 đồng/năm. Trường hợp người nộp phí nộp theo quý thì mức thu phí tính cho 01 quý là f/4.

Trường hợp cơ sở xả khí thải mới đi vào hoạt động kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành hoặc cơ sở xả khí thải đang hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành: Số phí phải nộp = (f/12) x thời gian tính phí



(tháng). Trong đó, thời gian tính phí là thời gian kể từ tháng tiếp theo của tháng Nghị định này bắt đầu có hiệu lực thi hành (áp dụng đối với cơ sở xả khí thải đang hoạt động) hoặc tháng bắt đầu đi vào hoạt động (áp dụng đối với cơ sở xả khí thải mới đi vào hoạt động kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành) đến hết quý hoặc hết năm.

- Đối với cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải

- Mức thu phí cố định (f) thực hiện theo quy định như đối với cơ sở xả khí thải không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải.

- Mức thu phí biến đổi của các chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải như sau:

STT	Chất gây ô nhiễm môi trường	Mức thu phí (đồng/tấn)
1	Bụi	800
2	NO _x (gồm NO ₂ và NO)	800
3	SO _x	700
4	CO	500

- Tại mỗi dòng khí thải của cơ sở xả khí thải, nồng độ một chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải có giá trị trung bình (tính trong kỳ nộp phí) thấp hơn 30% so với nồng độ chất đó được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi

trường về khí thải hoặc quy định của chính quyền địa phương (nếu có): Mức thu phí biến đổi đối với chất đó bằng 75% số phí phải nộp tính theo công thức xác định số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong dòng khí thải quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

- Tại mỗi dòng khí thải của cơ sở xả khí thải, nồng độ một chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải có giá trị trung bình (tính trong kỳ nộp phí) thấp hơn từ 30% trở lên so với nồng độ chất đó được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải hoặc quy định của chính quyền địa phương (nếu có): Mức thu phí biến đổi đối với chất đó bằng 50% số phí phải nộp tính theo công thức xác định số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong dòng khí thải quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

Căn cứ để xác định mức thu phí quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này là kết quả quan trắc khí thải (tự động, liên tục hoặc định kỳ) và quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải hoặc quy định của chính quyền địa phương về nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải (nếu có).

7. kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí: Được quy định chi tiết tại Điều 7 Nghị định này.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại P:\06.Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat phi va le phi\Nghị định

NGHỊ ĐỊNH 180/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT 174/2024/QH15

- **Ngày ban hành:** 31/12/2024

- **Ngày có hiệu lực:** 01/01/2025

Giảm thuế giá trị gia tăng như sau:

- Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.



- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.
- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

- Mức giảm thuế giá trị gia tăng
- Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.
- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này.
- Trình tự, thủ tục thực hiện.

• Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, khi lập hoá đơn giá trị gia tăng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi “8%”; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra, cơ sở kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

• Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, khi lập hoá đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15”.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng chưa được giảm theo quy định tại Nghị định này thì người bán và người mua xử lý hóa đơn đã lập theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ vào hóa đơn sau khi xử lý, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

- Cơ sở kinh doanh quy định tại Điều này thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục



IV ban hành kèm theo Nghị định này cùng với Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

- Các bộ theo chức năng, nhiệm vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát để người tiêu dùng hiểu và được thụ hưởng lợi ích từ việc giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 1 Nghị định này, trong đó tập trung các giải pháp

ổn định cung cầu hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng nhằm giữ bình ổn mặt bằng giá cả thị trường (giá chưa có thuế giá trị gia tăng) từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Toàn văn bản đã được đăng tải tại P:\06.Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat thue\Luat thue gia tri gia tang\Nghị định

NGHỊ ĐỊNH 175/2024/NĐ-CP HƯỚNG DẪN LUẬT XÂY DỰNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

- **Ngày ban hành:** 30/12/2024
- **Ngày có hiệu lực:** 30/12/2024

1. Phạm vi điều chỉnh

- Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

- Khoản 6 Điều 49 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về phân loại dự án đầu tư xây dựng;

- Điểm b khoản 3 Điều 52 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

- Điểm d1 khoản 2 Điều 54 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án nhà ở, khu đô thị;

- Điểm đ khoản 3 Điều 56 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về lựa chọn

tổ chức, cá nhân thẩm tra phục vụ thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Khoản 5 Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với các dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ;

- Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về dự án đầu tư xây dựng có quy mô lớn, công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn và lợi ích cộng đồng;

- Khoản 6 Điều 61 của Luật Xây dựng năm 2014 quy định chi tiết về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng;

- Khoản 4 Điều 62 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 quy định chi tiết về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Khoản 6 Điều 78 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 quy định chi tiết về các bước thiết kế xây dựng, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh thiết kế xây dựng;

- Điểm đ khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về công trình



hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn giấy phép xây dựng;

- Khoản 5 Điều 102 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về việc cấp giấy phép xây dựng;

- Khoản 2 Điều 128 của Luật Xây dựng năm 2014 quy định chi tiết về công trình xây dựng đặc thù;

- Khoản 5 Điều 148 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 53 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; về sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề; giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài;

- Khoản 2 Điều 161 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 60 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 về ban hành, chỉ đạo xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch đảm bảo đầu tư xây dựng hiệu quả, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, phát triển bền vững; quy định việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng do cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước đầu tư tại nước ngoài.

- Các biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng gồm:

- Trình tự đầu tư xây dựng;

- Trình tự thực hiện, nhiệm vụ, nội dung, phương án kỹ thuật, quản lý công tác khảo sát xây dựng;

- Quản lý trật tự xây dựng.

- Việc quản lý các hoạt động xây dựng về quy hoạch xây dựng; chi phí đầu tư xây dựng; chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động đầu tư xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

- Các tổ chức, cá nhân trong nước hoạt động đầu tư xây dựng tại nước ngoài thực hiện theo quy định riêng tại Mục 2 Chương V Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về quản lý sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

3. Trình tự đầu tư xây dựng

- Trình tự thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Xây dựng năm 2014 được quy định cụ thể như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: lập đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài (nếu có); lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án; lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng làm cơ sở lập dự án; lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng; các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án;

- Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc: chuẩn bị mặt bằng xây dựng, rà phá bom mìn (nếu có); khảo sát xây dựng phục vụ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng); ký kết hợp đồng xây dựng; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; vận hành, chạy thử; nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; quyết toán hợp đồng xây dựng; giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng; các công việc cần thiết khác liên quan đến thực hiện dự án;

- Giai đoạn kết thúc xây dựng gồm các công việc: quyết toán hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, xác nhận hoàn thành công trình; bàn giao công trình đưa vào sử



dụng; bảo hành công trình xây dựng, bàn giao các hồ sơ liên quan; giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng; các công việc cần thiết khác.

- Trình tự thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định này. Trình tự thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư có cấu phần xây dựng (sau đây gọi là dự án PPP) thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Đối với các dự án không quy định tại khoản 2 Điều này, tùy thuộc điều kiện cụ thể và yêu cầu kỹ thuật của dự án, người quyết định đầu tư quyết định trình tự thực hiện tuân tự hoặc kết hợp, đồng thời đối với các công việc quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, phù hợp với các nội dung tại quyết định phê duyệt dự án.

- Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng chìa khóa trao tay, trình tự đầu tư xây dựng được thực hiện phù hợp với nội dung quy định của hợp đồng.

4. Phân loại dự án đầu tư xây dựng

Dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 49 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, được phân loại nhằm quản lý các hoạt động xây dựng theo quy định tại Nghị định này như sau:

- Theo công năng phục vụ, tính chất chuyên ngành, mục đích quản lý của dự án và các công trình thuộc dự án, dự án đầu tư xây dựng được phân loại theo quy định tại Phụ lục X Nghị định này.

- Theo nguồn vốn sử dụng, hình thức đầu tư, dự án đầu tư xây dựng được phân loại gồm: dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP và dự án sử dụng vốn khác. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn hỗn hợp gồm nhiều nguồn vốn nêu trên được phân loại như sau:

- Dự án sử dụng một phần vốn đầu tư công là dự án đầu tư công, được quản lý theo pháp luật về đầu tư công;
- Dự án PPP có sử dụng vốn đầu tư công được quản lý theo quy định của pháp luật về PPP;

- Dự án sử dụng vốn hỗn hợp bao gồm vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn khác: trường hợp có tỷ lệ vốn nhà nước ngoài đầu tư công lớn hơn 30% hoặc trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư thì được quản lý theo các quy định đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công; trường hợp còn lại được quản lý theo quy định đối với dự án sử dụng vốn khác. Tỷ lệ vốn nhà nước ngoài đầu tư công do người quyết định đầu tư xem xét quyết định làm cơ sở lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng sử dụng cho mục đích tôn giáo;

- Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp có tổng mức đầu tư không quá 20 tỷ đồng (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất), trừ dự án đầu tư xây dựng công trình di sản văn hoá thực hiện theo pháp luật về di sản văn hoá;

- Dự án đầu tư xây dựng nhóm C nhằm mục đích bảo trì, duy tu, bảo dưỡng;

- Dự án nạo vét, duy tu luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa;

- Dự án đầu tư xây dựng có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, lắp đặt thiết bị hoặc dự án sửa chữa, cải tạo không ảnh hưởng đến an toàn chịu lực công trình có chi phí xây dựng (không bao gồm chi phí thiết bị) dưới 10% tổng mức đầu tư và không quá 10 tỷ đồng (trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư);

- Người quyết định đầu tư được quyết định việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với các dự án quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này khi dự án có yêu cầu đặc thù về kỹ thuật xây dựng hoặc thiết kế công nghệ cần lập thiết kế cơ sở; các dự án này không thuộc trường hợp phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế triển khai sau



thiết kế cơ sở, đảm bảo các nội dung thẩm định tuân thủ theo quy định pháp luật.

5. Nguyên tắc lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

- Khách quan, minh bạch về trình tự, thủ tục, hồ sơ, kết quả thẩm định và tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính trong quá trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.
- Việc lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, phê duyệt dự án được thực hiện với toàn bộ dự án, từng dự án thành phần, hoặc theo giai đoạn thực hiện đối với một hoặc một số công trình của dự án (theo phân kỳ đầu tư) bảo đảm các yêu cầu nêu tại quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quy định của pháp luật có liên quan.
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được thực hiện đối với toàn bộ các công trình hoặc từng công trình của dự án hoặc từng phần của công trình theo giai đoạn thi công công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư nhưng phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về nội dung và các cơ sở tính toán giữa các giai đoạn và với thiết kế cơ sở được thẩm định, phê duyệt.
- Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đúng thẩm quyền hoặc theo ủy quyền sau khi dự án, thiết kế xây dựng được các cơ quan có thẩm quyền kết luận đủ điều kiện và được cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp, trình phê duyệt theo quy định.
- Việc lập, thẩm định, phê duyệt đối với việc dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh được thực hiện đối với riêng nội dung điều chỉnh hoặc cho toàn bộ nội dung của dự án, thiết kế xây dựng.

6. Nguyên tắc thực hiện các thủ tục hành chính

- Các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
 - Thông qua dịch vụ bưu chính;
 - Trực tuyến tại cổng dịch vụ công.
 - Tổ chức, cá nhân đề nghị giải quyết thủ tục hành chính chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hồ sơ bản vẽ nộp theo hình thức trực tuyến phải được ký chữ ký số theo quy định.
 - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính không yêu cầu cung cấp các giấy tờ, thông tin có trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin về đất đai khi các thông tin, dữ liệu này đã được cập nhật hoặc kết nối chia sẻ.
 - Khi thực hiện và sau khi kết thúc thủ tục hành chính, cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, chủ đầu tư hoặc người đề nghị thẩm định có trách nhiệm cung cấp thông tin lên cổng thông tin điện tử theo quy định của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.
 - Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính chỉ chịu trách nhiệm về nội dung giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật, không chịu trách nhiệm về quy trình thực hiện, nội dung, kết quả thực hiện của các văn bản pháp lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó; không chịu trách nhiệm về việc người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan có liên quan thực hiện các bước tiếp theo không đúng với nội dung, yêu cầu đã nêu tại kết quả thực hiện thủ tục hành chính.
 - Ngày thực hiện thủ tục hành chính quy định trong Nghị định này không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày.
- #### **7. Công trình hiệu quả năng lượng, công trình xanh**
- Khi đầu tư xây dựng công trình phải có giải pháp kỹ thuật và biện pháp quản lý nhằm sử



dùng hiệu quả năng lượng, bảo vệ môi trường theo các quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

- Nhà nước khuyến khích xây dựng, phát triển công trình hiệu quả năng lượng, công trình xanh.
- Việc phát triển các công trình nêu tại khoản 2 Điều này thực hiện theo chính sách, kế hoạch và lộ trình áp dụng do Thủ tướng Chính phủ quy định.

8. Áp dụng tiêu chuẩn, vật liệu và công nghệ mới trong hoạt động xây dựng

- Tiêu chuẩn áp dụng cho công trình phải được người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận khi quyết định đầu tư và được thể hiện trong quyết định phê duyệt dự án hoặc bằng văn bản riêng. Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp cần thiết, chủ đầu tư được đề xuất thay đổi, bổ sung các tiêu chuẩn áp dụng khi việc thay đổi, bổ sung tiêu chuẩn không làm thay đổi các nội dung dẫn đến yêu cầu phải điều chỉnh dự án theo quy định và phải được người quyết định đầu tư đồng ý bằng văn bản để làm cơ sở thực hiện.
- Việc lựa chọn, áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở phải tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan.
- Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài:
 - Trong thuyết minh thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hoặc chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có), theo mức độ chi tiết của bước thiết kế, phải có đánh giá về sự tuân thủ với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tính tương đồng với các tiêu chuẩn có liên quan;
 - Ưu tiên sử dụng các tiêu chuẩn nước ngoài đã được áp dụng rộng rãi.

- Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn cơ sở:

- Khi áp dụng tiêu chuẩn cơ sở thì phải có thuyết minh về sự tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tính tương thích, đồng bộ với các tiêu chuẩn có liên quan;
- Việc công bố các tiêu chuẩn cơ sở phải tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình được quy định tại các pháp luật khác có liên quan.
- Việc sử dụng vật liệu, công nghệ mới phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tương thích với các tiêu chuẩn có liên quan; đảm bảo tính khả thi, sự bền vững, an toàn và hiệu quả.

9. Các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng: Quy định tại Chương II, từ Điều 11 đến Điều 28.

10. Các quy định về khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng: Quy định tại Chương III, từ Điều 29 đến Điều 49.

11. Các quy định về giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng: Quy định tại Chương IV, từ Điều 50 đến Điều 67.

12. Các quy định về xây dựng công trình đặc thù và thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại nước ngoài: Quy định tại Chương V, từ Điều 68 đến Điều 72.

13. Các quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng: Quy định tại Chương VI, từ Điều 73 đến Điều 120.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại P:\06. Document System\Thu Viên Pháp Luật\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Xay dung\Nghị định



THÔNG TƯ 22/2024/TT-BKHĐT HƯỚNG DẪN VIỆC CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ MẪU HỒ SƠ ĐẦU THẦU TRÊN HỆ THỐNG MẠNG ĐẦU THẦU QUỐC GIA

- Ngày ban hành: 17/11/2024
- Ngày có hiệu lực: 01/01/2025

1. Phạm vi Điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và các mẫu hồ sơ đầu thầu, gồm:

- Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án, dự toán mua sắm theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Luật Đấu thầu;
- Mẫu hồ sơ đầu thầu trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn; hàng hóa (trừ thuốc); xây lắp; thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP); thiết kế và xây lắp (EC); cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC); thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC); gói thầu cung cấp thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các dịch vụ đi kèm để vận hành thiết bị y tế (không bao gồm nhân công vận hành) theo số lượng dịch vụ kỹ thuật (sau đây gọi là gói thầu mượn thiết bị y tế) thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ; chào giá trực tuyến; mua sắm trực tuyến;
- Mẫu báo cáo lập hồ sơ mời thầu; tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu; quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu; báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu qua mạng gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa (trừ thuốc), mượn thiết bị y tế, xây lắp, EPC, EP, EC, PC theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ; gói thầu dịch vụ tư vấn;
- Các mẫu khác có liên quan đến lựa chọn nhà thầu qua mạng.

2. Đối tượng điều chỉnh

- Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này nhưng chọn áp dụng quy định của Thông tư này. Trong trường hợp này, quy trình thực hiện theo Hướng dẫn sử dụng trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia.

3. Áp dụng các Mẫu hồ sơ và Phụ lục

Việc áp dụng các Mẫu hồ sơ và Phụ lục được quy định cụ thể, chi tiết tại Điều 4 Thông tư này.

4. Các quy định về cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu: được quy định chi tiết tại Chương II, từ Điều 11 đến Điều 24, trong đó:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:
 - Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 của Luật Đấu thầu.
 - Đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, g, h, i và k khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu. Trường hợp thuê tư vấn đầu thầu để làm bên mời thầu thì chủ đầu tư vẫn phải chịu trách nhiệm đăng tải các thông tin này.
 - Đăng tải trên Hệ thống thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam theo Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này; việc đăng tải thực hiện theo Hướng dẫn sử dụng. Thông tin được gửi đồng thời đến Cục Quản lý đầu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống khi đăng nhập bằng Tài khoản tham gia Hệ thống của mình.
 - Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình trên Hệ thống.



- Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

- Trách nhiệm của bên mời thầu:

- Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 79 của Luật Đấu thầu.

- Đăng tải thông tin quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đối với thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu, bên mời thầu đăng tải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh.

- Chịu trách nhiệm về tính thống nhất của tài liệu đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt. Trường hợp có sự sai khác giữa tài liệu được đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt thì tài liệu đăng tải trên Hệ thống là cơ sở pháp lý để thực hiện.

- Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi.

5. Các quy định về nội dung mẫu hồ sơ đấu thầu: được quy định chi tiết tại Chương III, từ Điều 24 đến Điều 31.

6. Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đã đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc chưa đăng tải trên Hệ thống) trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Thông tư này (nếu có).

- Đối với gói thầu đã được phê duyệt áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và lập E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT theo quy định của Thông

tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT):

- Trường hợp gói thầu đã đăng tải E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trên Hệ thống kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT;

- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu chưa lập E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT hoặc đã lập, phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT nhưng chưa đăng tải E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trên Hệ thống thì phải lập, sửa đổi, phê duyệt lại E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT theo quy định của Thông tư này.

- Trường hợp gói thầu đã đăng tải E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trên Hệ thống trước ngày 01 tháng 12 năm 2024, việc phê duyệt kết quả sơ tuyển, mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu không phải thực hiện trên Hệ thống.

- Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024, trường hợp gói thầu chưa lập E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT hoặc đã lập, phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT nhưng chưa đăng tải E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trên Hệ thống thì việc phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT, phê duyệt kết quả sơ tuyển, mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu phải thực hiện trên Hệ thống.

- Đối với gói thầu không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng:

- Trường hợp gói thầu đã đăng tải hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu trên Hệ thống kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;



- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu chưa lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu hoặc đã phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu nhưng chưa đăng tải hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu trên Hệ thống thì phải lập, sửa đổi, thẩm định, phê duyệt lại hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu cho phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu từ không qua mạng thành qua mạng thì chủ đầu tư không phải trình người có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà tiến hành chỉnh sửa hình thức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống từ không qua mạng thành qua mạng. Quy trình chỉnh sửa thực hiện theo Hướng dẫn sử dụng.

7. Hiệu lực thi hành

- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ các quy định sau đây có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024:

- Quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 20 của Thông tư này và các nội dung khác có liên quan đến phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, kết quả sơ tuyển, mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng trên Hệ thống;

- Quy định tại các điểm c, d và điểm đ khoản 12 Điều 4 của Thông tư này và các nội dung khác có liên quan đến chào giá trực tuyến gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn theo quy trình rút gọn và chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn trong trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT hết hiệu lực thi hành.

- Trường hợp các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu cần bảo mật và không thể công

khai trên Hệ thống, người có thẩm quyền quyết định việc đăng tải thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Trường hợp gói thầu đặc thù mà nếu áp dụng các quy định của Mẫu E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này sẽ có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự thì chủ đầu tư được chỉnh sửa các yêu cầu này theo nguyên tắc sau:

- Việc chỉnh sửa yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự khác với quy định của các Mẫu E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT phải bảo đảm việc phân chia gói thầu là hợp lý, quy mô gói thầu không quá lớn để hạn chế cạnh tranh;

- Khi trình phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT, bên mời thầu phải nêu rõ việc chỉnh sửa E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trong tờ trình để chủ đầu tư xem xét;

- Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu; nhà thầu được lựa chọn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

-

- Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, khi lập hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, việc lập hồ sơ mời thầu được thực hiện như sau:

- Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định quy định về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

- Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hỗn hợp áp



dụng hình thức đấu thầu trong nước, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Dau thau\Thong tu

QUYẾT ĐỊNH 2838/QĐ-BTC VỀ DANH SÁCH DOANH NGHIỆP LỚN PHÂN CÔNG CỤC THUẾ DOANH NGHIỆP LỚN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ THUẾ

- Ngày ban hành: 27/11/2024
- Ngày có hiệu lực: 01/01/2025

Ngày 27/11/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định 2838/QĐ-BTC năm 2024 về Danh sách doanh nghiệp lớn phân công Cục thuế doanh nghiệp lớn trực tiếp quản lý thuế, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.

Theo đó, ban hành kèm theo Quyết định 2838/QĐ-BTC năm 2024 là danh sách doanh nghiệp lớn Cục Thuế doanh nghiệp lớn trực tiếp quản lý thuế từ 01/01/2025: trong đó có Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (STT 14, MST: 4300378569).

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat thue\Luat quan ly thue\van ban huong dan



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC NÊU TẠI MỤC II

STT	Tên văn bản QPPL/trích yếu nội dung	Trách nhiệm tuân thủ/Hậu quả pháp lý	Ban/đơn vị chủ trì cập nhật, nghiên cứu, áp dụng/tuân thủ
1	Luật số 36/2024/QH15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ	Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về quy tắc, phương tiện, người tham gia giao thông đường bộ, chỉ huy, điều khiển, tuần tra, kiểm soát, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ, trách nhiệm quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Văn phòng nói riêng và CBCVN nói chung cần nghiên cứu, cập nhật đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.	VP, CBCNV
2	Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15 về Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn phải nhật, tuân thủ các quy định về thuế bảo vệ môi trường tại Nghị quyết này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có liên quan có hành vi vi phạm các quy định về thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 109/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và/hoặc các quy định khác có liên quan.	TCKT, KD
3	Nghị định 153/2024/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có liên quan có hành vi vi phạm các quy định về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; quyết toán phí, lệ phí, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 109/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và/hoặc các quy định khác có liên quan.	ATMT, TCKT
4	Nghị định 180/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế giá trị gia tăng phải cập nhật, tuân thủ các quy định về thuế giá trị gia tăng và các quy định khác có liên quan.	TCKT, TMDV, KD, VP



		- Hậu quả pháp lý: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thuế giá trị gia, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn và/hoặc các quy định khác có liên quan.	
5	Nghị định 175/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xây dựng phải tuân thủ các quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định này và các văn bản liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động xây dựng, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 16/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	DQRE, KTĐT
6	Thông tư 22/2024/TT-BKHĐT hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định 122/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	DQRE, KTĐT, TMDV, VP
7	Quyết định 2838/QĐ-BTC năm 2024 về Danh sách doanh nghiệp lớn phân công Cục thuế doanh nghiệp lớn trực tiếp quản lý Thuế	Tổ chức, doanh nghiệp do Cục thuế doanh nghiệp lớn trực tiếp quản lý Thuế nói riêng và tổ chức, doanh nghiệp khác nói chung phải đảm bảo tuân thủ các quy định quy định của Luật Quản lý thuế, các Luật thuế và quy định pháp luật có liên quan.	TCKT